TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 409/2023/DS-PT Ngày: 01/8/2023 V/v tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Ông Nguyễn Lê Huy.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 7 và ngày 01 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp "Đòi quyền sử dụng đất, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 492/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị M, sinh năm 1938;

Địa chỉ: số nhà A, Tổ A, Khu phố C, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973 (theo Giấy ủy quyền ngày 29/3/2021);

Địa chỉ: số nhà E P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* *Bị đơn:* Trần Thị S (chết năm 2010);

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị S:

1. Võ Thị Kim L, sinh năm 1953;

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Trần Thị Ú, sinh năm 1960;

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Trần Văn M1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số nhà D đường H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trần Thị H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: số nhà D đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1962;

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Nguyễn Văn S1, sinh năm 1966;

Địa chỉ: số nhà G phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Thị Thu T1: Hồ Thị Mỹ H2, sinh năm 1985 (theo Giấy ủy quyền ngày 12/3/2018);

Địa chỉ: số nhà B, Tổ A, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người được ủy quyền lại: Ông Võ Tuấn Vĩnh T, sinh năm 1973 (theo Giấy ủy quyền ngày 29/3/2021);

Địa chỉ: số nhà E P, ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Cao Thị Thúy H3, sinh năm 1972;

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

5. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ trụ sở: khu phố D, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Huỳnh Thanh B, chức vụ: Chủ tịch;

** Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Võ Tuấn Vĩnh T.

(Ông Võ Tuấn Vĩnh T, ông Huỳnh Thanh B có đơn xin vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:*

Trước đây, bà và chồng là ông Nguyễn Văn P (chết năm 2004) có phần đất khoảng 700m^2, tại ấp T, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang). Phần diện tích đất này vợ chồng bà có đăng ký kê khai và nộp thuế cho Nhà nước. Trước đây, vợ chồng bà có làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do phần đất thuộc khu khoanh bao nên chưa được cấp Giấy chứng nhận. Trong phần diện tích 700m^2 vợ chồng bà có cho bà Trần Thị S ở nhờ phần đất có diện tích 111,4m^2 từ trước năm 1975. Đến năm 2007 bà S chết, phần diện tích đất này bà S để lại cho con gái là Trần Thị Ú ở cho đến nay. Hiện nay Trần Thị Ú đã cất nhà kiên cố, vợ chồng bà ngăn cản, tranh chấp thì mới biết phần diện tích đất 111,4m^2 bà Trần Thị S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01504 ngày 06/10/2004 thuộc thửa 43, tờ bản đồ số 52. Ngày 31/3/2004, chồng bà là ông Nguyễn Văn P chết, hàng thừa kế thứ nhất của ông P có bà, các con là Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị Thu T1.

Nay bà yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01504 ngày 06/10/2004 cấp cho bà Trần Thị S có diện tích 111,4m^2, thửa số 43, tờ bản đồ số 52 tại khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Buộc những người thừa kế của bà Trần Thị S là Võ Thị Kim L, Trần Thị Ú, Trần Văn M1, Trần Thị H phải trả lại cho bà diện tích đất 111,4m^2 thửa số 43, tờ bản đồ số 52 tại khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn bà Trần Thị S là bà Trần Thị Ú trình bày:*

Mẹ của bà là cụ Trần Thị S, sinh năm 1926. Năm 1965, mẹ của bà mua phần đất của ông Nguyễn Văn L1 là cha của ông Nguyễn Văn P, lúc đó vì chiến tranh đất nằm trong ấp chiến lược nên không có giấy. Sau ngày giải phóng, mẹ của bà ở và đóng thuế nhà nước đầy đủ, đến năm 2003 có đoàn đo đạc và chính quyền địa phương đến đo đạc và cấp quyền sử dụng đất cho mẹ của bà diện tích 111m^2 ngày 6/10/2004.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì bà không đồng ý. Bà Trần Thị Ú có yêu cầu phản tố là yêu cầu phía bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H1 trả lại phần đất ngang 2,3m, dài 13m thuộc thửa số 43, tờ bản đồ 52 do bà Trần Thị S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời yêu cầu anh H1 tự di dời toàn bộ tài sản trên phần đất đã lấn chiếm, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn bà Trần Thị S là ông Trần Văn M1, bà Võ Thị Kim L và bà Trần Thị H đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt các văn bản tố tụng nhưng ông M1, bà L, bà H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của minh đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị Thu T1 thống nhất trình bày:*

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao thị Thúy H4 trình bày:*

Bà và bà Trần Thị Ú là hàng xóm thân thiết với nhau, hiện bà là người quản lý phần đất mà bà Nguyễn Thị M đang tranh chấp với bà Trần Thị S, lý do là bà Trần Thị Ú bán rẻ phần đất này cho bà với giá là 30.000.000 đồng, có làm giấy tay chưa có làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Bà ở trên phần đất này cách đây gần 03 năm, hiện bà xây dựng ngôi nhà trên đất vào năm 2018, việc bà M tranh chấp với bà S phần đất này bà có biết. Nay bà M yêu cầu hàng thừa kế của bà S trả lại phần đất này, bà không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện G có ý kiến:*

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01504 cấp ngày 06/10/2004 cho bà Trần Thị S, Ủy ban nhân dân huyện không có ý kiến, việc giải quyết do Tòa án quyết định.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2022/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 174, 177, 227, 228, 233 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 và Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 và Điều 203 Luật Đất đai; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01504 QSDĐ cấp ngày 06/10/2004 cho bà Trần Thị S có diện tích 111m^2, thửa số 43, tờ bản đồ số 52 tại khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Buộc những người thừa kế của bà Trần Thị S là Võ Thị Kim L, Trần Thị Ú, Trần Văn M1, Trần Thị H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị M diện tích đất 111m^2 thửa số 43, tờ bản đồ số 52 tại khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 10/6/2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Võ Tuấn Vĩnh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm (đơn đề ngày 08/6/2022), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1

Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2022/DSST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1]. Về thủ tục kháng cáo:

Ông Võ Tuấn Vĩnh T, người đại diện hợp pháp của cụ Nguyễn Thị M (văn bản ủy quyền kháng cáo ngày 29/3/2021) nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về xác định tư cách đương sự:

Theo hồ sơ vụ án, bà Nguyễn Thị M có các đơn khởi kiện ghi ngày 31/10/2017 và 16/11/2017 khởi kiện cụ Trần Thị S chết năm 2007, những người thừa kế theo pháp luật của bà S gồm: Võ Thị Kim L, Trần Thị Ú, Trần Văn M1, Trần Thị H. Ngày 17/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang thụ lý vụ án số 278/2017/DSST ngày 17/11/2017. Theo Thông báo thụ lý số 654/TB-TLVA ngày 17/11/2017, Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2022/DSST ngày 27/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xác định bị đơn là bà Trần Thị S (chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị S gồm: Võ Thị Kim L, Trần Thị Ú, Trần Văn M1, Trần Thị H. Xét thấy, việc xác định cụ Trần Thị S (đã chết năm 2010, trước khi thụ lý vụ án) là bị đơn trong vụ án và xác định Võ Thị Kim L, Trần Thị Ú, Trần Văn M1, Trần Thị H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định Võ Thị Kim L, Trần Thị Ú, Trần Văn M1, Trần Thị H (những người thừa kế tài sản của bà Trần Thị S) là bị đơn trong vụ án.

[3]. Về xác định địa chỉ của đương sự và cấp, tống đạt văn bản tố tụng:

Theo Thông báo thụ lý vụ án số 654/TB-TLVA ngày 17/11/2017, đương sự Trần Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: số nhà A đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự Trần Văn M1, sinh năm 1964, địa chỉ: số D đường H, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục cấp tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự Trần Thị H, Trần Văn M1 theo phương thức niêm yết.

Ngày 13/12/2017 bà Trần Thị Ú có đơn phản tố, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây thụ lý yêu cầu phản tố theo Thông báo thụ lý số 72/TB-TLVA ngày 16/5/2018. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông Trần Văn M1, bà Trần Thị H theo phương thức thông qua đường bưu chính. Kết quả tống đạt: ông Trần Văn M1 có ký tên "M1" nơi người nhận trong Phiếu báo phát, không tống đạt được đối với bà Trần Thị H do không có địa chỉ.

Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 03/6/2020 (bút lục số 88), Công an phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xác định đường T, phường T không có số nhà A (địa chỉ của bà Trần Thị H).

Ngày 27/11/2020, bà Trần Thị Ú rút yêu cầu phản tố và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 19/2020/QĐST-DS ngày 27/11/2020. Theo Quyết định này ghi nhận, bà Trần Thị H, sinh năm 1969, địa chỉ: số nhà D đường H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thay đổi địa chỉ bà Trần Thị H. Kết quả tống đạt thông qua đường bưu chính thể hiện: không tống đạt được cho ông Trần Văn M1, bà Trần Thị H do không có tên người nhận.

Ngày 24/12/2021, Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tiến hành ngày 14/01/2022. Kết quả tống đạt: tại phiếu báo phát đối với bà Trần Thị H có ký tên người nhận nhưng không rõ họ tên người ký nhận, mối quan hệ giữa người ký tên và người nhận; không tống đạt cho ông Trần Văn M1 do không có tên người nhận. Theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có tên đương sự Cao Thị Thúy H3, sinh năm 1972, địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, tại các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 14/01/2022 có sự tham gia tố tụng của đương sự Cao Thị Thúy H3, không có sự tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị Thu T1 (hoặc của người đại diện hợp pháp) như đã thông báo.

Ngày 14/01/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tiến hành ngày 17/02/2022. Kết quả tống đạt: không có tài liệu, chứng cứ thể hiện tống đạt cho bà Trần Thị H, ông Trần Văn M1. Theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không có tên đương sự Cao Thị Thúy H3, sinh năm 1972, địa chỉ: khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, tại các biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 14/01/2022 có sự tham gia tố tụng của đương sự Cao Thị Thúy H3.

Ngày 21/3/2023, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-DS ấn định phiên tòa mở ngày 08/4/2022. Kết quả tống đạt: tống đạt trực tiếp đương sự Cao Thị Thúy Hằng ngày 14/3/2022 (trước ngày có Quyết định đưa vụ án ra xét xử là 07 ngày), tống đạt cho đương sự Trần Văn M1, sinh năm 1988, địa chỉ: số E ấp T, Thanh Vĩnh Đ, C, Long An (khác với thông tin cá nhân của đương sự Trần Văn M1 trong vụ án); không tống đạt được cho đương sự Trần Thị H với lý do không có tên người nhận.

Ngày 08/4/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra Quyết hoãn phiên tòa và ấn định ngày mở phiên tòa là ngày 04/5/2022. Kết quả tống đạt: không tống đạt được cho Trần Văn M1 và Trần Thị H với lý do không có tên người nhận.

Ngày 04/5/2022, Tòa án cấp sơ thẩm ra thông báo mở lại phiên tòa và ấn định ngày mở phiên tòa là ngày 27/5/2022. Kết quả tống đạt: không tống đạt được cho đương sự Trần Thị H với lý do không có tên người nhận, đương sự Trần Văn M1 với lý do nhà không có người ở.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành các Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 13/2018/QĐST-DS ngày 16/11/2018, số 07/QĐST-DS ngày 04/3/2021 nhưng không tiến hành tống đạt cho các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm biết rằng việc tống đạt cho đương sự chưa đảm bảo nhưng vẫn giải quyết vắng mặt đương sự là không đảm bảo nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được quy định tại Điều 24 Bộ luật Tố tụng dân sự, từ đó dẫn đến không có đầy đủ căn cứ xác định sự thật khách quan của vụ án, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích của đương sự trong vụ án. Trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án theo quy định.

[4]. Về thu thập chứng cứ:

[4.1]. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 18/01/2018 (bút lục số 195, 196) thể hiện nội dung đo đạc *"Diện tích đo đạc thực tế: chưa đo đạc được"*, nhưng phần tứ cận giáp ranh đất lại ghi nhận *"Đông giáp đất ông Nguyễn Văn P (chết) vợ là Nguyễn Thị M có cạnh có số đo 14,97m + 4,68m; Tây giáp đất ông Võ Văn Q (chết) vợ là Cao Thị Thu T2 có cạnh có số đo 20,36m; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn P (chết) vợ là Nguyễn Thị M có cạnh có số đo 2,34m + 4,18m; Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu T3 có cạnh có số đo 6,05m (có sơ đồ kèm theo)"*. Đồng thời, tại Sơ đồ trích lục thửa đất (bút lục số 197) ghi nhận *"Thửa đất chưa đo đạc thực tế được, vì các hộ giáp ranh chưa thống nhất ranh giới còn đang tranh chấp ranh"*. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đo đạc nhưng nội dung biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ghi nhận kết quả đo đạc là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 101 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặt khác, theo nội dung Sơ đồ trích lục thửa đất thì các hộ giáp ranh thửa đất số 43, tờ bản đồ số 52 (thửa đất đang tranh chấp) có tranh chấp về ranh giới đất, như vậy thửa đất số 43 có sự biến động về hình thể, diện tích và có liên quan đến quyền và lợi ích của người thứ ba nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2]. Cụ Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu buộc các thừa kế của cụ Trần Thị S (gồm Võ Thị Kim L, Trần Thị Ú, Trần Văn M1, Trần Thị H) trả lại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 52, diện tích 111,4m^2 tại khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Theo cụ M, vợ chồng cụ và cụ Nguyễn Văn P có phần đất khoảng 700m^2 tại ấp T, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang), các cụ có cho cụ Trần Thị S ở nhờ phần diện tích 111,4m^2 trước năm 1975, nhưng các cụ vẫn đóng thuế và kê khai, đăng ký theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 tại thửa đất số 667. Theo văn

bản số 1157/TL-VPĐK ngày 11/4/2018 của Văn phòng đăng ký đất đăng tỉnh Tiền Giang cung cấp dữ liệu đất đai cho bà Hồ Thị Mỹ H2 (người đại diện hợp pháp của cụ M vào thời điểm đó), theo Sổ đăng ký ruộng đất thì cụ Nguyễn Văn P có đăng ký thửa 667, diện tích 432m^2 tại ấp T, thị trấn V, huyện G, theo sổ mục kê ruộng đất thì cụ Nguyễn Văn P đăng ký thửa đất số 667, diện tích 432m^2 tại V, huyện G. Tại văn bản số 3565/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 24/10/2021 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T, xác định Văn phòng không có lưu trữ sơ đồ giải thửa đất vườn của thị trấn V nên không trả lời được thửa đất số 43, tờ bản đồ số 52 ai đứng tên kê khai theo sổ mục kê 299. Theo các biên bản xác minh cùng ngày 10/01/2022, bà Nguyễn Thị Kim H5 - cán bộ địa chính UBND thị trấn V, ông Đỗ Tấn Đ1 - Tổ trưởng Tổ thông tin lưu trữ chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G cung cấp thông tin thì Ủy ban nhân dân thị trấn V, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Tiền Giang không có lưu trữ Sổ mục kê theo hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg nên không xác định được thửa đất số 43, tờ bản đồ số 52 (thửa đất đang tranh chấp) có nằm trong thửa 667 theo Sổ mục kê hồ sơ theo Chỉ thị 299/TTg. Như vậy, căn cứ vào kết quả xác minh, thu thập nêu trên thì chưa có căn cứ xác định thửa đất số 667 cụ Nguyễn Văn P kê khai đăng ký theo hồ sơ Chỉ thị 299/TTg ngày 10 tháng 11 năm 1980 tương ứng với thửa đất nào theo bản đồ chính quy (năm 2001), do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ này để không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị M là chưa có căn cứ vững chắc.

Những thiếu sót trên của cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà không thể khắc phục tại giai đoạn phúc thẩm, đồng thời để đảm bảo nguyên tắc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm. Do vậy, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm khắc phục những thiếu sót nêu trên, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên đương sự và người thứ ba.

Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chưa xem xét nội dung kháng cáo của cụ Nguyễn Thị M.

[5]. Về án phí: Do bản án dân sự sơ thẩm bị hủy để xét xử lại nên cụ Nguyễn Thị M không phải chịu án phí phúc thẩm án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giải quyết vụ án: như nhận định trên, do Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm nên không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2022/DS-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Cụ Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Gò Công Tây;
- CCTHADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN, CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Huy